TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hàn Văn N1, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2023, Bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: bà Lê Thị N đăng ký kết hôn với ông Hàn Văn N1 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 08 tháng 4 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 35); hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống bà

N và ông N1 sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N1 không đi làm thường xuyên uống rượu, bà N và ông N1 thường xuyên xảy ra cãi vã nhiều lần ông N1 đã đánh đập bà N. Hiện nay, bà N và ông N1 đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay bà N không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông N1.

Về con chung: bà N và ông N1 có 02 con chung là cháu Hàn Huy H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2008 và cháu Hàn Thị Trâm A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con

Về chia tài sản và nợ chung: bà N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hàn Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N1 đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N1.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp vợ chồng sống chung năm 2008 và có đăng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35, ngày 08 tháng 4 năm 2008. Bà N và ông N1 chung sống đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà N trình bày là do ông N1 không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu. Từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, bà N và ông N1 đã ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà N và ông N1 là vợ chồng nhưng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn sống chung là vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, bà N không muốn tiếp tục chung sống với ông N1 nên khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà N và ông N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, quyết định cho bà N và ông N1 ly hôn.

Về nuôi con chung: bà N và ông N1 có 02 con là cháu Hàn Huy H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2008 và cháu Hàn Thị Trâm A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu H và cháu Trâm A đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với bà N. Vì vậy, yêu cầu của bà N về nuôi con chung là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: bà N và ông N1 không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với ông Hàn Văn N1 về việc tranh chấp về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lê Thị N và ông Hàn Văn N1.

Về nuôi con chung:

Giao cháu Hàn Huy H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2008 và cháu Hàn Thị Trâm A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2013 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N1.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và nợ chung: bà Lê Thị N và ông Hàn Văn N1 không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị N đã nộp theo biên lai số 0003308 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng;
(Giấy CNKH số 35, đăng ký ngày 08/4/2008)
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng